

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nậm Nhùn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nậm Nhùn; số 2990/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nậm Nhùn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1277/TTr-STNMT ngày 19/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm dự án, công trình và nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nậm Nhùn, cụ thể như sau:

1. Thủy điện Mường Mô

- Nội dung đã phê duyệt: Thủy điện Mường Mô với diện tích 12,0 ha (*phê duyệt tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh*).

- Nội dung sau điều chỉnh: Thủy điện Mường Mô với diện tích 12,0 ha.

Lý do: Điều chỉnh lại ranh giới thực hiện dự án; tổng diện tích thực hiện dự án không thay đổi.

2. Thủy điện Nậm Bùm 2

- Nội dung đã phê duyệt: Thủy điện Nậm Bùm 2 với diện tích 22,83 ha (*phê duyệt tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh*).

- Nội dung sau điều chỉnh: Thủy điện Nậm Bùm 2 với diện tích 13,5 ha.

Lý do: Điều chỉnh quy mô, ranh giới, giảm diện tích thực hiện dự án.

3. Thủy điện Nậm Páng 2

- Nội dung đã phê duyệt: Thủy điện Nậm Páng 2 với diện tích 3,26 ha tại xã Trung Chải, huyện Nậm Nhùn (*phê duyệt tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh, được điều chỉnh tại Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh*).

- Nội dung sau điều chỉnh: Thủy điện Nậm Páng 2 với diện tích 3,26 ha tại các xã: Nậm Ban, Trung Chải, huyện Nậm Nhùn.

Lý do: Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án; tổng diện tích thực hiện dự án không thay đổi.

4. Thủy điện Nậm Cuối

- Nội dung đã phê duyệt: Thủy điện Nậm Cuối với diện tích 36,13 ha (*phê duyệt tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh, được điều chỉnh tại Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh*).

- Nội dung sau điều chỉnh: Thủy điện Nậm Cuối với diện tích 29,21 ha.

Lý do: Điều chỉnh quy mô, ranh giới, giảm diện tích thực hiện dự án.

5. Đường dây và trạm biến áp 110 KV đầu nối nhà máy thủy điện Huổi Văn vào lưới điện Quốc gia

- Nội dung đã phê duyệt: Hạng mục đường dây và trạm biến áp 110 KV đầu nối nhà máy thủy điện Huổi Văn nằm trong dự án thủy điện Huổi Văn được phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh nhưng đã được điều chỉnh ra khỏi dự án thủy điện Huổi Văn.

- Nội dung sau điều chỉnh: Đường dây và trạm biến áp 110 KV đấu nối nhà máy thủy điện Huổi Văn vào lưới điện Quốc gia với diện tích 0,39 ha.

Lý do: Điều chỉnh số lượng dự án do tách hạng mục đường dây và trạm biến áp 110 KV đấu nối nhà máy thủy điện Huổi Văn ra khỏi dự án thủy điện Huổi Văn.

6. Thủy điện Nậm Bùm 1

- Nội dung đã phê duyệt: Thủy điện Nậm Bùm 1 với diện tích 4,98 ha *(theo hiện trạng sử dụng đất đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2019)*.

- Nội dung sau điều chỉnh: Thủy điện Nậm Bùm 1 với diện tích 20,81 ha.

Lý do: Điều chỉnh số lượng dự án do bổ sung khu vực lòng hồ và hạng mục đường hầm dẫn nước làm tăng diện tích thực hiện dự án.

7. Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường

- Nội dung đã phê duyệt: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích 2,1 ha *(theo hiện trạng sử dụng đất đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 16/12/2020)*.

- Nội dung sau điều chỉnh: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường với diện tích 2,29 ha.

Lý do: Điều chỉnh số lượng dự án do bổ sung thêm hạng mục phụ trợ của dự án làm tăng diện tích thực hiện dự án.

(Vị trí, diện tích và chi tiết các loại đất của từng công trình, dự án được điều chỉnh có sơ đồ kèm theo)

Các nội dung khác không điều chỉnh giữ nguyên theo các Quyết định của UBND tỉnh: số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021, số 1142/QĐ-UBND ngày 25/8/2022, số 1333/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 và số 1610/QĐ-UBND ngày 07/12/2022.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Nậm Nhùn

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Công Thương hướng dẫn Chủ đầu tư các dự án thủy điện thực hiện theo quy định về quản lý quy hoạch thủy điện.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Tham mưu thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

5. Các chủ đầu tư:

Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nậm Nhùn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Hà Trọng Hải

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA HUYỆN NẬM NHÙN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án hoặc nhu cầu sử dụng đất	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại đất		
1	Thủy điện Mường Mô	Xã Mường Mô	Đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,081 ha; Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,3 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,09 ha; Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,183 ha; Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,064 ha; Đất rừng phòng hộ (RPH) 4,54 ha; Đất rừng sản xuất (RSX) 5,22 ha; Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,03 ha; Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,48 ha; Đất sông suối (SON) 0,015 ha	12,0	Đất công trình năng lượng (DNL)	12,0	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 2679/QĐ-BCT ngày 15/10/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Điều chỉnh lại ranh giới thực hiện dự án; tổng diện tích thực hiện dự án không thay đổi.
2	Thủy điện Nậm Bùm 2	Xã Hua Bùm	Đất năng lượng (DNL) 3,3 ha (đã được thuê đất); Đất rừng phòng hộ (RPH) 0,25 ha; Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 1,2 ha; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,13 ha; ; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,56 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,17 ha; đất chưa sử dụng (DCS) 1,65 ha; đất sông suối (SON) 3,0 ha	22,83	Đất công trình năng lượng (DNL)	13,5	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án công trình thủy điện Nậm Bùm 2	Điều chỉnh quy mô, ranh giới, giảm diện tích thực hiện dự án.
3	Thủy điện Nậm Páng 2	Các xã Nậm Ban, Trung Chải	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,11 ha; Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,61 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,55 ha; Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,63 ha; đất sông suối (SON) 0,36 ha	3,26	Đất công trình năng lượng (DNL)	3,26	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu chấp nhận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án; Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong QHSDĐ 2021-2030 và cập nhật vào KH SDD năm 2022 Nậm Nhùn	Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án; tổng diện tích thực hiện dự án không thay đổi.

4	Thủy điện Nậm Cuối	Các xã: Nậm Pi, Nậm Ban, Hua Bùm	Đất công trình năng lượng (DNL) 3,56 ha (đã được cho thuê đất); Đất chưa sử dụng (DCS) 0,15 ha; Đất rừng phòng hộ (RPH) 15,62 ha; Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,83 ha; Đất sông suối (SON) 9,05 ha.	36,13	Đất công trình năng lượng (DNL)	29,21	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.	Điều chỉnh quy mô, ranh giới, giảm diện tích thực hiện dự án.
5	Đường dây và trạm biến áp 110 KV đầu nối NMTĐ Huổi Vần vào lưới điện Quốc gia	Xã Nậm Hàng, Thị trấn Nậm Nhùn	Đất năng lượng (DNL) 0,02 ha; Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,2 ha; Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,03 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,01 ha; Đất giao thông (DGT) 0,026 ha; đất chưa sử dụng (DCS) 0,1 ha			0,39	Đất công trình năng lượng (DNL)	- Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Thủy điện Huổi Vần, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn	Điều chỉnh số lượng dự án do tách hạng mục đường dây và trạm biến áp 110 KV đầu nối nhà máy thủy điện Huổi Vần ra khỏi dự án thủy điện Huổi Vần.
6	Thủy điện Nậm Bùm 1	Xã Hua Bùm	Đất năng lượng (DNL) 4,98 ha (đã được cho thuê đất); Đất rừng phòng hộ (RPH) 6,45 ha; Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,6 ha; Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,0 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,05 ha; đất chưa sử dụng (DCS) 2,28 ha; Đất rừng sản xuất (RSX) 1,0 ha; đất sông suối (SON) 2,45 ha			20,81	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án công trình thủy điện Nậm Bùm 1	Điều chỉnh diện tích tăng do bổ sung khu vực lòng hồ và hạng mục đường hầm dẫn nước.
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	Xã Lê Lợi	Đất sản xuất vật liệu thông thường (SKX) 2,1 ha (đã được cho thuê đất); Đất chưa sử dụng (DCS) 0,19 ha			2,29	Đất sản xuất vật liệu thông thường (SKX)	- Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc gia hạn quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Thanh Bình Điện Biên được UBND tỉnh Lai Châu cho thuê đất tại Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 02/8/2017	Điều chỉnh số lượng dự án do bổ sung thêm hạng mục phụ trợ của dự án làm tăng diện tích thực hiện dự án.